

Bản án số 87/2024/HS-PT  
Ngày 27 tháng 3 năm 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đặng Kim Nhân  
*Các Thẩm phán:* ông Nguyễn Chí Công, ông Nguyễn Cường  
**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** ông Phạm Văn Phong  
**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 89/2024/TLPT-HS ngày 02/02/2024 do Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2023/HS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo và bị kháng nghị, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 298/2024/QĐXXPT-HS ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

*Các bị cáo kháng cáo, bị kháng nghị:*

1. *Bị cáo* Lương Văn M, (tên gọi khác: Chó M1), sinh ngày 21/5/1994 tại Đ, Quảng Nam; Nơi cư trú: khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn (văn hóa): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn H, sinh năm 1955 và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: không.

Tiền án:

+ Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 75/2011/HSST ngày 28/9/2011, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn xử phạt 04 năm 06 tháng tù về “*Tội cướp giật tài sản*” chưa xóa án tích.

+ Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 33/2016/HSST ngày 27/6/2016, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn xử phạt 03 năm 06 tháng tù về “*Tội cố ý gây thương tích*”, chưa xóa án tích.

+ Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 58/2020/HSST ngày 25/12/2020, TAND thị xã Điện Bàn xử phạt 17 tháng tù về “*Tội cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự (*có tổ chức, tái phạm nguy hiểm*), được trả tự do tại phiên tòa ngày 25/12/2020; tính đến ngày phạm tội tại vụ án này ngày 30/9/2022, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/10/2022, chuyển tạm giam ngày 16/10/2022, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

2. Bị cáo **Dương** Ngọc Q, sinh ngày 18/6/2001 tại Đ, Quảng Nam; Nơi cư trú: khối phố Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn (văn hóa): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Ngọc Đ (sinh năm 1971) và bà Trần Thị H1 (sinh năm 1978); bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 06/10/2022, chuyển sang tạm giam ngày 15/10/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

3. Bị cáo Hồ Trọng D, sinh ngày 15/7/2003 tại Đ, Quảng Nam; Nơi cư trú: khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn (văn hóa): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Viết A (chết) và bà Nguyễn Thị Thu D1 (sinh năm 1983); bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 29/9/2021, bị Công an phường Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “xâm hại sức khỏe của người khác”; nộp phạt ngày 17/3/2022, tính đến ngày 30/9/2022 chưa được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Nhân thân:

+ Ngày 11/6/2020, bị Công an phường V, thị xã Đ, xử phạt vi phạm hành chính 1.250.000 đồng về hành vi “tàng trữ hung khí nhằm mục đích đánh nhau”, nộp phạt ngày 22/6/2020.

+ Ngày 22/3/2021, bị Công an xã D, huyện D xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt ngày 07/4/2021.

+ Ngày 01/6/2021, bị Công an thị xã Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/10/2022, chuyển sang tạm giam ngày 15/10/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

4. Bị cáo **Lê** Thiện T (tên gọi khác: G), sinh ngày 28/11/2004 tại Đ, Quảng Nam; Nơi cư trú: Khối phố G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn (văn hóa): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê C1 (sinh năm 1967) và bà Nguyễn Phạm Thị Mỹ A1 (sinh năm 1974); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/10/2022, chuyển sang tạm giam ngày 15/10/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

5. Bị cáo **Lê** Thiện P, sinh ngày 25/9/2006 tại Đ, Quảng Nam; nơi cư trú: Khối phố G, phường Đ, thị xã Đ, Quảng Nam; nghề nghiệp: học sinh; trình độ học vấn (văn hóa): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc

tịch: Việt Nam; Con ông Lê C1 (sinh năm 1967) và bà Nguyễn Phạm Thị Mỹ A1 (sinh năm 1974); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

6. Bị cáo Võ Thanh T1 (tên gọi khác: T2), sinh ngày 23/02/2005 tại Đ, Quảng Nam; Nơi cư trú: Khối phố G, phường Đ, thị xã Đ, Quảng Nam; nghề nghiệp: Học sinh trường THPT L3; trình độ học vấn (văn hóa): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ N (chết) và bà Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1970); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

7. Bị cáo Thân Đăng K, sinh ngày 06/6/2006 tại Đ, Quảng Nam; Nơi cư trú: khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Học sinh Trường THPT N2; trình độ học vấn (văn hóa): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thân Đăng Hoàng M2 (sinh năm 1985) và bà Phan Vũ T3 (sinh năm 1988); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú và bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

8. Bị cáo Đặng Hồng Q1; sinh ngày 24/3/2007 tại Đ, Quảng Nam; Nơi ĐK hộ khẩu thường trú: Tổ C, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: tổ A, thôn Đ, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Học sinh Trường F; trình độ học vấn (văn hóa): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Hồng T4 (sinh năm 1982) và bà Đoàn Thị H3 (sinh năm 1984); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú và bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

9. Bị cáo Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 30/12/1992 tại Đ, Quảng Nam; nơi cư trú: khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn (văn hóa): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K1 (sinh năm 1950) và bà Mai Thị Đ2 (sinh năm 1953); vợ là Trần Thị S (sinh năm 1988), bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Ngày 14/08/2012, bị Toà án nhân dân huyện Duy Xuyên, Quảng Nam, xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 tháng 02 ngày về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; đã xóa án tích.

+ Ngày 15/3/2012, bị Công an huyện D, Quảng Nam xử lý vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

10. Bị cáo Trần H4, sinh ngày 01/3/1985 tại Đ, Quảng Nam; nơi cư trú: khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động tự do;

trình độ học vấn (văn hóa): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần M3 (sinh năm 1965) và bà Ngô Thị Thanh X (sinh năm 1964); vợ là Lê Thị X1; bị cáo chưa có con; Tiền án: không;

Tiền sự: ngày 13/7/2020, bị Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, Quảng Nam ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 23 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” kể từ ngày 24/5/2020; tính đến ngày 30/9/2022 chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Nhân thân:

- Ngày 15/09/2005 bị Công an thị xã Đ, Quảng Nam xử lý vi phạm hành chính số tiền 365.000 đồng về hành vi “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”;

- Ngày 14/8/2012 bị Toà án nhân dân huyện Duy Xuyên, Quảng Nam, xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; đã xóa án tích.

- Ngày 15/3/2012 bị Công an huyện D, Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Ngày 16/11/2013, bị Công an thị xã Đ, Quảng Nam, xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

- Ngày 05/7/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, Quảng Nam ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

*11. Bị cáo Phan Xuân Q2; sinh ngày 24/4/1996 tại Đ, Quảng Nam; nơi cư trú: Khối phố U, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn (văn hóa): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Xuân L (sinh năm 1968) và bà Lê Thị H5 (sinh năm 1978); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.*

*Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Đặng Minh D2, Lê Đức Thiên B, Nguyễn Đình H6, Nguyễn Xuân H7 nhưng sau khi xét xử sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị.*

*Bị hại: anh Nguyễn Văn Đ1 (đồng thời cũng là bị cáo trong vụ án), sinh ngày 30/12/1992; nơi cư trú: khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.*

*Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo:*

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Đức Thiên B là ông Lê Đức M4, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Thanh H8, sinh năm 1977; cùng trú tại: khối phố Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Thiện T5 và bị cáo Lê Thiện P1 là ông Lê C1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Phạm Thị Mỹ A1, sinh năm 1974 (vắng mặt); cùng trú tại: Khối phố G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt;

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Võ Thanh T1 là bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1970; trú tại: Khối phố G, xã Đ, thị xã Đ, Quảng Nam; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Thân Đăng K là ông Thân Đăng Hoàng M2, sinh năm 1985 và bà Phan Vũ T3, sinh năm 1988; cùng trú tại: Khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, Quảng Nam; có mặt.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Đặng Hồng Q1 là ông Đặng Hồng T4, sinh năm 1982; trú tại: Tổ C, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng có mặt.

*Người bào chữa:*

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn M: Luật sư Trương Văn T6 – Văn phòng L4, Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: F Ông Í, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc Q3: Luật sư Lê Duy T7, Văn phòng L5, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: H T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Trọng D: Luật sư Bùi Anh N1 – Văn phòng L6, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: số A N, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hồng Q1: bà Nguyễn Thị Hồng P2 – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thiện P1: bà Lê Thị Sao M5 – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng; vắng mặt, có gửi Luận cứ.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thiện T5: Luật sư Nguyễn Thành Q4 – Văn phòng luật sư T8 quý và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng; địa chỉ: H T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thanh T1: Luật sư Bùi Anh N1 - Văn phòng L6, thuộc đoàn luật sư tỉnh Q; bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Thân Đăng K: bà Lê Thị T9 – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng; có mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người làm chứng:*

1. Anh Lương Văn L1, sinh năm: 1989; trú tại: khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2. Anh Phạm Hưng L2, sinh năm: 1999; trú tại: khối phố B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

3. Ang Lương Văn Q5, sinh năm 1990; trú tại: khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị S1, sinh năm 1968, trú tại: khối phố Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Ông Đặng Hồng T4, sinh năm 1982; trú tại: Tổ C, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3. Anh Thân Đăng Hoàng T10, sinh năm 1988, trú tại: khối C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 30/9/2022, Trần H4, Nguyễn Văn Đ1, Phan Xuân Q2 và Hồ Duy K2 (*trú tại:* khối phố Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam), đến nhậu tại quán C3 thuộc khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam do anh Lương Văn L1 (*trú tại:* khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) làm chủ; khi đến quán nhậu, nhóm của Nguyễn Văn Đ1, Trần H4, ngồi ở tầng 2 của quán, gần cầu thang. Trong lúc nhậu, Trần H4 gọi anh Phạm Hưng L2 (*là quản lý quán C3*) đến bàn nhậu và hỏi lý do vì sao nhóm của Trần H4 gọi bia và mời mà quán chậm đem tới; anh L2 giải thích do quán đông khách thì H4 dùng tay tát vào mặt anh L2 02 cái, rồi Trần H4 tiếp tục cầm ly thủy tinh đánh anh L2, nhưng được can ngăn nên không đánh nữa và tiếp tục ngồi nhậu; khi ngồi nhậu, Trần H4 còn gây sự với nhiều bàn nhậu khác, nhưng không xảy ra xô xát gì. Khoảng 21 giờ 05 phút cùng ngày, nhóm của Trần H4, Đ1, Quốc đi xuống tính tiền thì gây sự với anh Lương Văn L1 rồi Trần H4 dùng tay đánh anh L1; Đ1 cũng xông vào cùng Trần H4 đánh anh L1 và đánh một thanh niên chưa rõ lai lịch là khách nhậu tại quán. Thấy anh mình bị đánh nên anh Lương Văn Q5 (*là em ruột của anh Lương Văn L1 và là chủ quán*) tới can ngăn thì bị Trần H4 dùng ly bia đánh vào đầu. Tiếp đó, giữa nhóm của Trần H4 và các thanh niên khác đang nhậu trong quán xảy ra xô xát, gây náo loạn cả quán nhậu, sau khi được mọi người can ngăn thì nhóm của Trần H4 ra về.

Khi sự việc đánh nhau xảy ra, Lương Văn M (là anh em chú bác ruột với Lương Văn Q5, Lương Văn L1) biết chuyện nhóm của Đ1 quậy phá tại quán nhậu Cây N nên gọi điện thoại cho Dương Ngọc Q3 (*lúc này Q3 đang đi chơi cùng Lê Đức Thiên B ở khu vực phường V, thị xã Đ*) và gọi cho Hồ Trọng D (*lúc này D đang đi chơi cùng với nhóm bạn gồm Lê Thiện T5, Nguyễn Đình H6,*

Đặng Minh D2, Thân Đăng K, Võ Thanh T1, Đặng Hồng Q1, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7 tại Tp .) chạy đến quán C3 xem có việc gì. Sau khi nghe điện thoại của M, Q3 điều khiển xe Vario biển kiểm soát 92D1-798.34 (*thuộc sở hữu của ông Dương Ngọc Đ, là cha ruột của Q3*) chở B đến quán C3, đến nơi, Q3 và Bảo chứng kiến sự việc đánh nhau tại quán nhưng không tham gia và cũng không can ngăn. Đối với Hồ Trọng D, sau khi nghe điện thoại từ M thì D rủ nhóm bạn đi theo cùng đến quán Cây Ngô Đ3, D điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Raider (*không rõ biển kiểm soát*) chở T5, Nguyễn Đình H6; K điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 92D1-343.14 chở D2 và T1; Q1 chạy xe Air Blade biển kiểm soát 43D1-994.81 chở H7 và P1 đến quán C3. Ngoài ra, Lương Văn M còn điện thoại cho hai người khác tên là T11 và S2 (*không rõ lai lịch, trú tại: Tp .*) rủ vào khối phố G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam để nhậu.

Về phần nhóm của Trần H4, khi về đến nhà của Đ1, nghĩ lại chuyện đánh nhau tại quán C3 nên nhóm của Trần H4 muốn quay lại quán để trả thù; riêng anh K2 về nhà của anh K2. Sau khi Đ1, Trần H4, Q2 thống nhất quay lại quán C3 thì Đ1 vào nhà lấy 02 cây dao tự chế (dao lờ) đưa cho Q2 01 cây, Trần H4 cũng lấy tại hiên nhà 01 cây dao tự chế; Đ1 cầm 01 cây dao tự chế và 01 khẩu súng (*theo lời khai của Đ1 thì là loại súng bắn đạn bi bằng hơi gas nén, hộp tiếp đạn kiểu ổ quay, bên trong có 05 viên bi sắt và 01 bình ga nén*) nhằm mục đích ra lại quán C3 tìm đánh những người đã đánh nhau với nhóm mình. Q2 điều khiển xe Sirius màu đỏ đen (*không rõ biển kiểm soát*) chở Trần H4 và Đ1, cầm theo các hung khí nêu trên chạy ra quán C3. Khi đến quán, Trần H4, Đ1, Q2 cầm dao, súng đứng trước quán chửi bới, thách thức những thanh niên trong quán ra đánh nhau, nhưng không ai ra; Đ1 cầm súng hướng lên trời bóp cò nhiều lần, có 02 lần phát ra tiếng nổ lớn làm cho khách đang ăn uống trong quán hoảng sợ, nhiều người đứng dậy bỏ chạy ra phía sau quán; tiếp đó Q2 cầm cây dao lờ đi vào quán thì được một số thanh niên can ngăn, đẩy ra đường; nhóm của Đ1 tiếp tục đứng đe dọa, chửi bới một lúc rồi đi về; thời điểm này, Dương Ngọc Q3 và Lê Đức Thiên B đang có mặt bên trong quán. Khi Trần H4, Đ1 và Q2 về lại nhà Đ1, do trời mưa, áo bị ướt nên Trần H4 vào nhà Đ1 để lấy áo khoác; còn Đ1, Q2 đi sang quán C4 (đối diện nhà Đ1) để ngồi uống nước. Khi Đ1 và Q2 ngồi tại quán cà phê, Đ1 để khẩu súng (quần bên ngoài bằng 01 cái áo sơ mi màu đen của Đ1) trên bàn gỗ, phía bên phải của quán.

Sau khi chứng kiến sự việc tại quán C3, Dương Ngọc Q3 và Lê Đức Thiên B chạy xe máy về nhà của Q3 lấy 02 cây dao tự chế (*mỗi con dao dài khoảng 50cm, cán và lưỡi bằng kim loại*) mang đến quán C3. Khi quay lại quán, cả hai thấy có lực lượng Công an đang làm việc trong quán nên không vào mà đứng cách quán khoảng 30m thì gặp Lương Văn M chở bạn gái chạy xe mô tô đến. Sau đó, M bảo bạn gái tự đi xe về, rồi M nói Q3, B lên xe mô tô Exciter của M đi cùng M. Vừa lúc này, Hồ Trọng D cùng nhóm bạn của D cũng chạy đến gặp nhóm của M, Q3, B, rồi cả hai nhóm cùng chạy về nhà D và tập trung tại đây; T11 và S2 đi xe máy hiệu Honda SH (*không rõ biển kiểm soát*) đến nhà D.

Tại nhà của D, cả nhóm của Lương Văn M gồm M, Dương Ngọc Q3, Lê Đức Thiên B, Hồ Trọng D, Lê Thiện T5, Nguyễn Đình H6, Đặng Minh D2, Thân Đăng K, Võ Thanh T1, Đặng Hồng Q1, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, T11 và S2 thống nhất đi tìm đánh nhóm của Trần H4, Đ1 và Q2. Lúc này Nguyễn Đình H6 và Lê Thiện P1 chạy xe mô tô hiệu Raider về nhà Đình H6 lấy 04 cây dao tự chế (mã tấu), cả hai tiếp tục chạy đến gần ngã tư Thương Tín, phường Đ, thị xã Đ lấy thêm 02 cây mã tấu (02 cây mã tấu này là do P1 cất giấu trước đó) rồi chạy quay lại nhà D. Sau khi đã chuẩn bị hung khí, M dùng số điện thoại 0932.333.489 gọi điện thoại (trong lúc điện thoại M bật loa ngoài) cho Trần H4 hỏi nhóm Trần H4 đang ở đâu và cả hai thách thức đánh nhau, Trần H4 nói: “Đang ở cây xăng” (tức cây xăng đối diện nhà H4); nói xong, cả nhóm của M thống nhất đi tìm đánh nhóm của Trần H4, Đ1 và Q2.

Khi đi, Lương Văn M điều khiển xe dẫn đầu; Thân Đăng K điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 92D1-343.14 chở Đặng Minh D2 cầm 01 dao tự chế và Võ Thanh T1 cầm 01 dao tự chế; Đặng Hồng Q1 điều khiển xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 43D1-994.81 chở theo Nguyễn Xuân H7 cầm 01 dao tự chế và Lê Thiện P1 cầm 01 dao tự chế; Hồ Trọng D điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Raider (*không rõ biển kiểm soát*) chở Lê Thiện T5 cầm 01 dao tự chế và Nguyễn Đình H6 cầm 01 dao tự chế, Lê Đức Thiên B điều khiển xe mô tô hiệu Exciter (*không rõ biển kiểm soát*) chở Dương Ngọc Q3 cầm 01 dao tự chế và Lương Văn M cầm 01 dao tự chế; T11 và S2 đi bằng xe mô tô hiệu Honda SH (*không rõ biển kiểm soát*), không cầm theo hung khí. Khi cả nhóm đi đến đoạn trước nhà Nguyễn Văn Đ1, thấy Đ1, Q2 đang cầm hung khí đứng bên lề đường trước quán C4 (thuộc khối phố Đ, phường Đ, thị xã Đ) thì nhóm của M dừng lại, cả nhóm xuống xe (riêng K, Q1, D, T11 và S2 điều khiển xe chạy lòng vòng để đợi cả nhóm).

Nhóm của M cầm hung khí chạy đến tấn công Đức và Q2, trong đó Q3 dùng dao chém một nhát trúng vào khuỷu tay trái của Q2 làm rớt con dao Quốc đang cầm trên tay xuống đất; Lê Đức Thiên B chạy đến nhặt con dao của Q2; Q2 bị chém trúng nên bỏ chạy, Nguyễn Văn Đ1 thấy Q2 bị tấn công nên chạy sang khu đất trống bên cạnh quán C4 nhặt gạch, đá ném lại nhóm của Q3 nhằm giải vây cho Q2. Khi Q2 bỏ chạy được thì nhóm của M quay sang tấn công Đức, Đ1 bỏ chạy và bị trượt chân té ngã (lần 1) thì bị nhóm của M xông đến chém; trong đó Lê Thiện T5 cầm dao chém Đ1 nhưng không trúng; Đ1 vùng dậy bỏ chạy thì té ngã (lần 2), lúc này Đặng Minh D2 xông vào chém theo hướng từ trên xuống dưới trúng vùng lưng của Đ1; cùng lúc này Lê Thiện P1 xông vào chém theo hướng từ trên xuống dưới trúng vùng vai phải của Đ1; Võ Thanh T1 chém vào vùng vai trái của Đ1; Đ1 bỏ chạy thì tiếp tục bị ngã nên bị Nguyễn Xuân H7 chém trúng chân trái, Lê Đức Thiên B chém trúng tay phải của Đ1. Tiếp đó, do bị thương nên tay trái Đ1 cầm lấy tay phải thì các bị can tiếp tục xông vào chém nhiều nhát vào người Đ1; Dương Ngọc Q3 xông đến, cầm dao trên hai tay chém từ trên xuống dưới vào vùng đầu của Đ1 thì Đ1 đưa tay trái lên đỡ nên bị Q3 chém đứt lìa bàn tay trái và chém trúng vùng đỉnh đầu của Đ1. Lúc này, M nói: “Thôi, rút” thì cả nhóm mới dừng chém Đ1 rồi lên xe đi về lại nhà D và bỏ hung



khí tại sân nhà. Sau đó, D cùng T5, Nguyễn Đình H6 đem số hung khí trên đến đoạn đường bê tông đối diện “Nhà hàng nổi - Tàu hội nghị Bá Lộc”, rồi vứt số hung khí trên tại bụi cây dưới chân trụ cột mốc Lũ lịch sử, thuộc phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, sau đó cả nhóm đi về. Đến khoảng 02 giờ ngày 01/10/2022, D gọi điện thoại cho Võ Thanh T1 bảo T1 mang hung khí đến nơi khác thì T1 rủ Lê Thiện P1 đến tàu Bá Lộc tìm thấy 05 con dao tự chế nên mang số hung khí trên đến Cụm C thuộc phường Đ, thị xã Đ cất giấu.

Đối với Nguyễn Văn Đ1 và Phan Xuân Q2 sau khi bị chém thì được người dân đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện G1, thành phố Đà Nẵng. Sau khi Đ1, Q2 được đưa đi cấp cứu, chị Trần Thị S (là vợ của Đ1) gọi điện thoại nhờ bà Ngô Thị S1 (*sinh năm 1968, trú tại khối phố Đ, phường Đ, thị xã Đ, là chị dâu của chủ quán cà phê Tri Á*) chở chị S đến bệnh viện; sau khi chở chị S đến bệnh viện, bà Sáu q về quán C4 để dọn dẹp thì phát hiện trên bàn gỗ của quán có 01 áo sơ mi, bên trong có 01 khẩu súng (do trời tối nên bà S1 không biết rõ là súng loại gì), do lo sợ nhóm thanh niên đánh nhau sẽ dùng khẩu súng trên nên bà S1 đã đem khẩu súng đến cầu C, thuộc phường Đ, thị xã Đ ném khẩu súng xuống dưới sông. Ngày 16/5/2023, theo lời khai của bà Ngô Thị S1, tại khu vực cầu C, phường Đ, thị xã Đ, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q tiến hành truy tìm vật chứng của vụ án là khẩu súng nhưng không tìm được.

\* Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đ đã tiến hành truy tìm hung khí liên quan đến vụ án; trong đó đã tìm được tại khu vực Cụm C thuộc phường Đ, thị xã Đ đã tìm được 05 cây dao tự chế, cụ thể như sau:

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại, dài 94cm, phần lưỡi dài 33cm, cán dài 61cm; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại, dài 92cm, phần lưỡi dài 44cm, cán dài 48cm; 01 (một) cây dao tự chế dài 78cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 31cm, cán bằng tre dài 47cm; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại, dài 130cm, phần lưỡi dài 76cm, cán dài 54cm; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại, dài 90cm, phần lưỡi dài 47cm, cán dài 43cm.

\* Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đ đã tạm giữ một số đồ vật, tài liệu sau:

- *Tạm giữ tài sản của các bị cáo, cụ thể như sau:* Hồ Trọng D: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, gắn sim số 0905.064.592; của Nguyễn Đình H6: 01 điện thoại di động hiệu N3, gắn sim số 0774425687; của Dương Ngọc Q3: 01 điện thoại di động hiệu Cogo, gắn sim số 0774478462; của Trần H4 01 điện thoại di động hiệu N3 màu đen, gắn sim số 0935.607.023.

- Tạm giữ từ anh Phạm Hưng L2: 01 đĩa DVD Maxell bên trong chứa 06 đoạn video tại quán C3.

- Tạm giữ từ chị Trần Thị S (vợ của Nguyễn Văn Đ1): 01 đĩa DVD Maxell bên trong chứa đoạn video trích từ camera lắp đặt tại nhà của ông Nguyễn Hữu K3 (trú tại KP Đ, phường Đ, thị xã Đ, đối diện quán C4); đoạn video ghi lại cảnh nhóm các bị can Lương Văn M tấn công Nguyễn Văn Đ1 và Phan Xuân Q2.

- Tạm giữ từ Thân Đăng K: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 92D1-343.14 và 01 Giấy đăng ký xe biển kiểm soát 92D1-343.14

- Tạm giữ từ ông Đặng Hồng T4: 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 43D1-994.81 và 01 Giấy đăng ký xe biển kiểm soát 43D1-994.81.

\* Tại Văn bản số 02/UBND ngày 15/5/2023, UBND phường Đ, thị xã Đ xác định tại thời điểm xảy ra vụ việc vì có tiếng súng nổ, một số đối tượng có hung khí trong tay nên nhân dân sống lân cận tại quán C5 và một số người dân trong quán nhậu có tâm lý hoang mang và lo sợ tại thời điểm xảy ra. Sau thời gian từ đó đến nay, theo ghi nhận của cuộc họp thì chưa nghe phản ánh của Đảng viên, nhân dân về tình hình mất an ninh trật tự; trật tự an toàn xã hội được kiểm soát, không gây mất ổn định tại khu dân cư trên địa bàn khối phố T, phường Đ, thị xã Đ cũng như tại quán C3.

\* Ngày 29/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đ phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tiếp hành thực nghiệm điều tra vụ án.

\* Kết quả giám định thương tích:

1. Đối với Nguyễn Văn Đ1: Tại Bản giám định thương tích số 451/GĐTT.22 ngày 12/10/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Q kết luận trên cơ thể Nguyễn Văn Đ1 có tổng cộng 28 vết thương, tổng tỷ lệ thương tích là **74%**. Tại Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 364/KLTTCT-TTPY ngày 23/5/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Q kết luận trên cơ thể Nguyễn Văn Đ1 có tổng cộng 28 vết thương với tổng tỷ lệ thương tích là **76%**, trong đó có các vết thương chính như sau:

- Cắt cụt cổ bàn tay trái, mồm cụt đã lành sẹo tốt. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên, tỷ lệ thương tích: **52%**;

- Mặt sau ngoài đoạn 1/3 dưới cánh tay phải có vết xát da, rách da đã lành để lại sẹo lồi dài 5,5cm, chỗ rộng nhất 0,5cm. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên. Hướng từ sau ra trước, từ trên xuống dưới (đứt một phần gân cơ tam đầu, rách bao khớp đã được phẫu thuật khâu ép bao khớp, khâu gân cơ tam đầu ổn định). Tỷ lệ thương tích **02%**. Gãy mồm trên lồi cầu ngoài xương cánh tay phải. Hiện tại bệnh nhân còn đau nhẹ vùng khuỷu tay phải. Vận động gấp, duỗi khớp khuỷu được nhưng còn đau. Tỷ lệ thương tích: **21%**;

- Vùng đỉnh phải có vết rách da đã lành sẹo dài 3,5cm, rộng 0,2cm. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên. Hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới. Tỷ lệ thương tích **01%**;

- Dấu thâm tím tụ máu lan tỏa dưới da phía sau trên gốc vành tai và trên nền xương chũm đã lành. Vùng chẩm, sát nền xương chũm có vết xát da đã lành sẹo dài 1,5cm, rộng 0,8cm. Tỷ lệ thương tích **01%**;

- Vùng cổ bên trái có vết xát da đã lành sẹo tốt dài 8cm, rộng 0,1cm. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên. Hướng từ trái sang phải. Tỷ lệ thương tích: **01%**;

- Vùng bả vai trái đến mặt sau trong đoạn 1/3 trên cánh tay trái có vết rách da cơ và xát da đã lành để lại sẹo lồi dài 14cm, chỗ rộng nhất 1cm (vết rách da và cơ dài 7,5cm). Vết thương do vật sắc cạnh gây nên. Hướng từ sau ra trước. Vận động xoay, dạng và gập cao cánh tay trái được bình thường. Tỷ lệ thương tích **03%**;

- Mu bàn tay phải có nhiều vết rách da và cơ đã lành để lại sẹo lồi, cụ thể:  
+ Trên nền đốt 2 ngón III dài 2,5cm, rộng 0,2cm (đứt gân cơ duỗi ngón III đã được phẫu thuật khâu nối gân duỗi ngón III tạm ổn + Mỏ xương đốt giữa ngón III). Tỷ lệ thương tích: **02%**.

+ Trên nền khớp đốt 1, 2 ngón IV dài 2cm, rộng 0,2cm gây đứt gân cơ duỗi ngón IV đã được phẫu thuật khâu nối gân duỗi các ngón IV tạm ổn. Gãy đốt giữa ngón IV đã can xương gò dưới da, trật khớp liên đốt gân ngón IV). Tỷ lệ thương tích: **03%**;

+ Trên nền đốt 3 ngón IV, dài 1,5cm, rộng 0,1 cm. Tỷ lệ thương tích: **01%**.

+ Trên nền khớp đốt 1, 2 ngón V, dài 2,5cm, rộng 0,2cm (Đứt gân cơ duỗi ngón V, gãy đốt gần ngón V đã can xương gò dưới da, trật khớp liên đốt gần ngón V đã được phẫu thuật khâu nối gân duỗi V tạm ổn). Tỷ lệ thương tích: **03%**.

Các vết thương đều do vật sắc cạnh gây nên, hướng từ sau ra trước, từ dưới lên trên. Bệnh nhân còn đau nhẹ vùng bàn tay phải, bàn tay phải âm hồng, cảm giác nông và sâu cảm nhận được, không teo cơ. Vận động gấp, duỗi, cầm nắm các ngón được nhưng duỗi tối đa các ngón III, IV, V còn hạn chế.

*Vùng đầu, lưng là vùng trọng yếu. Tuy nhiên, trường hợp này các vết thương ở vùng đầu và lưng chỉ gây tổn thương phần mềm, xước da, rách da và cơ đơn thuần, nếu không cấp cứu kịp thời cũng không gây nguy hiểm đến tính mạng.*

2. Đối với Phan Xuân Q2: Tại Bản giám định thương tích số 450/GĐTT.22 ngày 11/10/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Q kết luận thương tích của Phan Xuân Q2 là **09%**. Tại Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 363/KLTTCT-TTPY ngày 24/5/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Q kết luận thương tích của Phan Xuân Q2 là **09%**, với các kết quả chính như sau:

+ 01 (một) sẹo kích thước lớn mặt sau khuỷu tay trái, xếp 03%.

+ Gãy hở mỏm khuỷu xương trụ trái đã được phẫu thuật loại bỏ phần xương gãy rời, tạo hình vạt da gân cơ tam đầu, tạo hình lại vạt da vùng khuỷu tay trái ổn định. Vận động gấp, duỗi khớp khuỷu, sấp ngửa cẳng tay, gập ngửa cổ tay và gấp, duỗi các ngón bàn tay trái được bình thường, xếp 06%.

\* Ngày 10/7/2023, Phan Xuân Q2 có Đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với thương tích của Q2 do các bị can Lương Văn M, Dương Ngọc Q3, Hồ Trọng D, Đặng Minh D2, Lê Đức Thiên B, Nguyễn Đình H6, Lê Thiện T5, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, Võ Thanh T1, Thân Đăng K, Đặng Hồng Q1 gây ra cho Q2.

Quá trình điều tra, Lương Văn M, Dương Ngọc Q3, Hồ Trọng D, Đặng Minh D2, Lê Đức Thiên B, Nguyễn Đình H6, Lê Thiện T5, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, Võ Thanh T1, Thân Đăng K, Đặng Hồng Q1, Nguyễn Văn Đ1, Trần H4, Phan Xuân Q2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. tại quán C3 và 01 đĩa DVD Maxell bên trong chứa đoạn video ghi lại cảnh nhóm các bị can Lương Văn M tấn công Nguyễn Văn Đ1 và Phan Xuân Q2.

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số 109/2023/HS-ST ngày 26/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:**

*[1] Về trách nhiệm hình sự:*

*[1.1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Lương Văn M, Dương Ngọc Q3, Hồ Trọng D, Đặng Minh D2, Lê Đức Thiên B, Nguyễn Đình H6, Lê Thiện T5, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, Võ Thanh T1, Thân Đăng K, Đặng Hồng Q1 phạm “Tội giết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự;*

*- Các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Trần H4, Phan Xuân Quốc p “Tội gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.*

*[1.2] Về hình phạt:*

*- Áp dụng điểm o, n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lương Văn M 13 (Mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07/10/2022.*

*- Áp dụng điểm o, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Dương Ngọc Q3 12 (Mười hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/10/2022.*

*- Áp dụng điểm o, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Hồ Trọng D, 9 (C2) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/10/2022.*

*- Áp dụng điểm o, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):*

*+ Xử phạt bị cáo Võ Thanh T1 4 (B1) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ 18/10/2022.*

*+ Xử phạt bị cáo Lê Thiện T5 3 (Ba) năm 6 (S1) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/10/2022.*

*+ Xử phạt bị cáo Lê Thiện P1 3 (Ba) năm 6 (S1) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/10/2022.*

*- Áp dụng điểm o, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Thân Đăng K 18 (Mười tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.*

*- Áp dụng điểm o, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 2 Điều 101; khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đặng Hồng Q1 18 (Mười tám)*

*tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.*

*- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):*

*+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/5/2023.*

*+ Xử phạt bị cáo Trần H4 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/5/2023.*

*- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phan Xuân Q2 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/5/2023.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Đặng Minh D2, Lê Đức Thiên B, Nguyễn Đình H6 và Nguyễn Xuân H7; quyết định về Trách nhiệm dân sự, quyền và nghĩa vụ thi hành án, xử lý vật chứng và án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo Lương Văn M kháng cáo cho rằng mức hình phạt 13 năm tù với bị cáo là quá cao xin xem xét giảm nhẹ hình phạt

- Bị cáo Dương Ngọc Q3 kháng cáo cho rằng mức hình phạt 12 năm tù là quá cao, đồng thời xuất trình tài liệu về việc ngày 11/3/2024 mẹ bị cáo Q3 có nộp 23.000.000 đồng khắc phục hậu quả và 1.350.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm để xin giảm hình phạt.

- Bị cáo Hồ Trọng D kháng cáo cho rằng mức hình phạt 09 năm tù với bị cáo là quá nặng.

- Bị cáo Thân Đăng K và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Thân Đăng K kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo K, đồng thời xuất trình xác nhận của Công an phường Đ xác nhận Khoa là Đoàn viên tham gia tích cực công tác xã hội, được tặng giấy khen và giấy viết tay ghi chị Trần Thị S (vợ bị hại Nguyễn Văn Đ1) nhận tiền do cha mẹ bị cáo K bồi thường sau khi xét xử sơ thẩm.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đặng Hồng Q1 (ông Đặng Hồng T4) kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo Q1 và xuất trình giấy viết tay ghi chị Trần Thị S (vợ bị hại Nguyễn Văn Đ1) nhận tiền cha mẹ bị cáo Q1 bồi thường sau khi xét xử sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 kháng cáo cho rằng mức hình phạt 24 tháng tù với bị cáo là nặng.

- Bị cáo Trần H4 kháng cáo cho rằng mức hình phạt 24 tháng tù với bị cáo là chưa phù hợp.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam ký Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKSQN-P2 ngày 08/01/2024 đề nghị Tòa án

cấp phúc thẩm: + bỏ Điều 54 Bộ luật hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Phan Xuân Q2 để tăng hình phạt đối với bị cáo Q2; + Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hồ Trọng D 09 năm tù là nhẹ đề nghị tăng hình phạt; + Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Võ Thanh T1 4 năm tù, xử phạt bị cáo Lê Thiện T5 và bị cáo Lê Thiện P1 mỗi bị cáo 3 năm 06 tháng tù là nhẹ đề nghị tăng hình phạt với cả 3 bị cáo này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Vắng Luật sư Nguyễn Thành Q4 bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Lê Thiện T5, nhưng bị cáo T5 có ý kiến không cần Luật sư mà tự bào chữa.

- Bị cáo Lương Văn M và bị cáo Dương Ngọc Q3 rút kháng cáo.

- Các bị cáo có kháng cáo còn lại (Hồ Trọng D, Thân Đăng K, Đặng Hồng Q1, Nguyễn Văn Đ1, Trần H4) giữ nguyên kháng cáo. Các Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị không chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam mà đề nghị xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo có kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung:

Giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKSQN-P2 ngày 08/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam; đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lương Văn M và bị cáo Dương Ngọc Q3; đề nghị giữ nguyên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt xử phạt bị cáo Thân Đăng K và bị cáo Đặng Hồng Q1, nhưng cho 2 bị cáo được hưởng án treo; đề nghị giữ nguyên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần H4 và bị cáo Nguyễn Văn Đ1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Tại phiên tòa vắng Luật sư Nguyễn Thành Q4 bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Lê Thiện T5, nhưng bị cáo T5 trình bày ý kiến không cần Luật sư mà tự bào chữa; đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận đề nghị của bị cáo Lê Thiện T5 nên cấp phúc thẩm quyết định xét xử phúc thẩm xét kháng nghị đối với bị cáo T5.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lương Văn M và bị cáo Dương Ngọc Q3 rút kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận việc rút kháng cáo tự nguyện của 2 bị cáo nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của 2 bị cáo Lương Văn M và Dương Ngọc Q3, quyết định về hình phạt tại bản án sơ thẩm đối với 2 bị cáo có hiệu lực thi hành.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận có hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm kết luận đó là khoảng 19 giờ 00 phút ngày 30/9/2022, Nguyễn Văn Đ1, Trần H4, Phan Xuân Q2 trong lúc ăn nhậu tại quán C3 thuộc khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, đã có hành vi vô cớ gây sự, đánh nhau với chủ quán, nhân viên của quán và những khách hàng đang ăn nhậu tại quán. Đến khoảng đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn Đ1, Trần H4, Phan Xuân Q2 tiếp tục đem theo 03 cây dao lờ (dao tự chế) và 01 khẩu súng bắn đạn bi đến đứng phía trước quán (trên vỉa hè đường Q) liên tục đe dọa, thách thức đánh nhau với những người đang có mặt trong quán và dùng súng bắn nhiều phát lên trời, trong đó có 02 lần phát ra tiếng nổ lớn gây náo loạn trong quán và khu vực trước quán gây hoang mang cho người dân sinh sống gần khu vực của quán. Ngay sau khi xảy ra sự việc Nguyễn Văn Đ1, Trần H4 và Phan Xuân Q2 gây sự tại quán C3, thì Lương Văn M là người cùng góp vốn để kinh doanh quán Cây Ngô Đ3 với anh Lương Văn L1 đã khởi xướng, rủ rê Dương Ngọc Q3, Hồ Trọng D, Lê Đức Thiên B tổ chức sử dụng hung khí nguy hiểm để đi đánh trả thù những người phá quán. Bị cáo Hồ Trọng D sau khi được rủ thì rủ thêm Đặng Minh D2, Nguyễn Đình H6, Lê Thiện T5, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, Võ Thanh T1, Thân Đăng K, Đặng Hồng Q1 cùng tham gia tổ chức sử dụng hung khí nguy hiểm là các con dao tự chế tìm đánh nhóm Trần H4, Nguyễn Văn Đ1 và Phan Xuân Q2. Khi các bị cáo gồm: Lương Văn M, Dương Ngọc Q3, Hồ Trọng D, Đặng Minh D2, Lê Đức Thiên B, Nguyễn Đình H6, Lê Thiện T5, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, Võ Thanh T1, Thân Đăng K, Đặng Hồng Q1 tập trung trước nhà của bị cáo Hồ Trọng D thì bị cáo M dùng số điện thoại 0932.333.489 gọi điện thoại cho Trần H4 và mở loa ngoài nhằm cho cả nhóm cùng nghe để hỏi Trần H4 đang ở đâu và cả hai thách thức đánh nhau, Trần H4 nói: “Đang ở cây xăng” (tức cây xăng đối diện nhà H4) nghe H4 nói vậy, cả nhóm của M thống nhất đi tìm đánh nhóm của Trần H4, Đ1 và Q2. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, tại đoạn đường trước quán C4 (thuộc khối phố Đ, phường Đ, thị xã Đ) nhóm của bị cáo M gặp bị cáo Nguyễn Văn Đ1 và Phan Xuân Q2 thì các bị cáo Lương Văn M, Dương Ngọc Q3, Đặng Minh D2, Lê Đức Thiên B, Nguyễn Đình H6, Lê Thiện T5, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, Võ Thanh T1 đã sử dụng các con dao tự chế tấn công, đâm, chém Nguyễn Văn Đ1 và Phan Xuân Q2; hậu quả: Nguyễn Văn Đ1 bị thương tích 76%, Phan Xuân Q2 bị thương tích 09%.

[4] Về người phạm tội, tội danh và khung hình phạt trong vụ án:

[4.1] Xét, chỉ vì nguyên cơ nhỏ nhất giữa nhóm của bị cáo Trần H4 đến quậy phá tại quán C3 của anh Lương Văn L1 (trong đó có bị cáo Lương Văn M góp vốn kinh doanh) vụ việc xảy ra đã được anh L1 báo công an đến giải quyết, bị cáo M đã chứng kiến việc Công an đến quán để làm việc, nhưng với bản tính côn đồ, coi thường pháp luật và thích giải quyết mọi việc bằng bạo lực, nên vào tối ngày 30/9/2022, khi nghe tin nhóm của bị cáo Trần H4 quậy phá quán C3, sau khi chứng kiến Công an đến làm việc, thì bị cáo M nuôi ý chí muốn đánh nhóm Trần H4 để trả thù, nên đã khởi xướng, rủ rê Dương Ngọc Q3 và Hồ Trọng D đến quán C6. Nhận được tin của M, Dương Ngọc Q3 rủ Lê Đức Thiên B về nhà Q3 lấy 02 cây dao tự chế (mỗi con dao dài khoản 50cm, cán và lưỡi bằng kim loại)

mang đến quán C3; Hồ Trọng D rủ Nguyễn Đình H6, Lê Thiện T5, Đặng Minh D2, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, Võ Thanh T1, Thân Đăng K, Đặng Hồng Q1 đến quán C3 để giúp M. Khi M, Q3, B và nhóm của D đến quán C3 thấy công an đang làm việc nên tất cả rủ nhau về tập trung tại nhà D. Sau khi tập trung tại nhà Hồ Trọng D thì Nguyễn Đình H6 và Lê Thiện P1 đi về nhà H6 lấy 06 cây dao tự chế (mã tấu) để cho cả nhóm tham gia đánh nhau. Sau khi chuẩn bị xong hung khí, M dùng số điện thoại 0932.333.489 gọi cho Trần H4 hỏi nhóm Trần H4 đang ở đâu rồi cả hai thách thức đánh nhau, khi gọi M cố tình mở loa ngoài cho cả nhóm nghe thấy. Trần H4 khi nghe điện thoại nói lại: “Đang ở cây xăng” (đối diện nhà H4); nói xong, cả nhóm của M thống nhất đi tìm đánh nhóm của Trần H4, Nguyễn Văn Đ1 và Phan Xuân Q2, M chạy xe dẫn đầu nhóm. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, tại đoạn đường trước quán C4, khối phố Đ, phường Đ, thị xã Đ, nhóm của M nhìn thấy Nguyễn Văn Đ1 và Phan Xuân Q2 nên Lương Văn M, Dương Ngọc Q3, Đặng Minh D2, Lê Đức Thiên B, Nguyễn Đình H6, Lê Thiện T5, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, Võ Thanh T1 đã sử dụng các con dao tự chế tấn công, chém liên tiếp nhiều nhát vào vùng đầu, lưng, cổ, tay chân của bị hại Nguyễn Văn Đ1, hậu quả Nguyễn Văn Đ1 bị thương tích 76% (đứt lia bàn tay trái). Xét, mặc dù, Kết luận giám định thương tích xác định thương tích của bị hại Nguyễn Văn Đ1 không nguy hiểm đến tính mạng, tuy nhiên các bị cáo Lương Văn M, Dương Ngọc Q3, Hồ Trọng D, Đặng Minh D2, Lê Đức Thiên B, Nguyễn Đình H6, Lê Thiện T5, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, Võ Thanh T1, Thân Đăng K, Đặng Hồng Q1 đã tập trung lực lượng, chuẩn bị hung khí nguy hiểm, đi tìm bị hại và cùng nhau tấn công một cách quyết liệt, nhiều người xông vào chém một người, chém một cách dứt khoát, khi Q3 dùng dao chém từ trên xuống dưới vào vùng lưng, vai và đầu thì bị hại Đ1 đưa tay lên đỡ nên bị đứt lia bàn tay trái, các bị cáo bất chấp hậu quả chết người có thể xảy ra, hậu quả bị hại Đ1 không chết là do được cứu chữa kịp thời và nằm ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Lương Văn M, Dương Ngọc Q3, Hồ Trọng D, Đặng Minh D2, Lê Đức Thiên B, Nguyễn Đình H6, Lê Thiện T5, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, Võ Thanh T1, Thân Đăng K, Đặng Hồng Q1 phạm “*Tội Giết người*” với 2 tình tiết định khung “*Có tính chất côn đồ*” và “*Có tổ chức*” quy định tại các điểm n, o khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là đúng tội danh, đúng khung hình phạt.

[4.2] Xét, Nguyễn Văn Đ1, Trần H4, Phan Xuân Q2 trong lúc ăn nhậu tại quán C3 thuộc khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam đã có hành vi vô cớ gây sự, đánh nhau với chủ quán, nhân viên của quán và những khách đang ăn nhậu tại quán. Đến khoảng đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn Đ1, Trần H4, Phan Xuân Q2 tiếp tục đem theo 03 cây dao lữ (dao tự chế) và 01 khẩu súng bắn đạn bi đến đứng phía trước quán (trên vỉa hè đường Q) liên tục đe dọa, thách thức đánh nhau với những người đang có mặt trong quán và dùng súng bắn nhiều phát lên trời, trong đó có 02 lần phát ra tiếng nổ lớn gây náo loạn trong quán và khu vực trước quán gây hoang mang cho người dân sinh sống gần khu vực của quán; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Nguyễn Văn Đ1, Trần H4, Phan Xuân Quốc p “*Tội gây rối trật tự công cộng*” với tình tiết định khung



“Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội danh, đúng khung hình phạt.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, cấp phúc thẩm thấy:

*Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hồ Trọng D và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị tăng hình phạt đối với Hồ Trọng D:* Khi được Lương Văn M gọi điện rủ tham gia đánh nhau, thì D liền đồng ý và còn trực tiếp rủ Nguyễn Đình H6, Lê Thiện T5, Lê Thiện P1, Nguyễn Xuân H7, Võ Thanh T1, Thân Đăng K, Đặng Hồng Q1, cùng tham gia. Tuy D không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng D là người nói các bị cáo tập trung tại nhà của D để chuẩn bị hung khí cho việc đánh nhau, D chở T5 và H6 đến tham gia việc đánh nhau, nên D có vai trò giúp sức và thực hành trong vụ án nhưng thấp hơn vai trò của bị cáo Q3 và cao hơn vai trò các bị cáo còn lại. D phạm “Tội giết người” với hai tình tiết định khung tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là “Có tính chất côn đồ”, “Có tổ chức” quy định tại các điểm n, o. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo D thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân; tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo D thay đổi lời khai, không thừa nhận đã có hành vi lôi kéo, rủ rê các bị cáo khác tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Xét, bị cáo D có nhân thân rất xấu đã 04 lần bị xử lý vi phạm hành chính về các hành vi “xâm hại sức khỏe của người khác”, “tàng trữ hung khí nhằm mục đích đánh nhau” và “đánh bạc”, trong đó, còn 01 tiền sự về hành vi đánh nhau vào ngày 29/9/2021 bị Công an phường Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “xâm hại sức khỏe của người khác” và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, Tòa án cấp sơ thẩm quá nhân mạnh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn Đ1 và bị hại Đ1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xử phạt D 09 năm tù là quá nhẹ nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo D mà chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tăng hình phạt đối với bị cáo D.

*Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Võ Thanh T1, Lê Thiện T5 và Lê Thiện P1 thấy:* Võ Thanh T1, Lê Thiện T5 và Lê Thiện Phước p1 “Tội giết người” quy định tại các điểm n, o khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Võ Thanh T1 04 năm tù, Lê Thiện T5 và Lê Thiện P1 mỗi bị cáo 03 năm 06 tháng tù là chưa nghiêm minh và chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo và không công bằng so với mức hình phạt của bị cáo Hồ Trọng D vì T1, T5 và P1 là những bị cáo trực tiếp tham gia dùng hung khí nguy hiểm là dao tạt chế tấn công, chém bị

hại Nguyễn Văn Đ1. Hành vi của các bị cáo Võ Thanh T1, Lê Thiện T5 và Lê Thiện P1 thể hiện tính chất quyết liệt, nguy hiểm hơn hành vi của bị cáo Hồ Trọng D. D khi phạm tội đủ 18 tuổi và bị Tòa sơ thẩm xử phạt 09 năm tù nên trường hợp các bị cáo Võ Thanh T1, Lê Thiện T5 và Lê Thiện P1 khi phạm tội là người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi nên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Võ Thanh T1, Lê Thiện T5 và Lê Thiện P1 là chưa nghiêm nên chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Võ Thanh T1, Lê Thiện T5 và Lê Thiện P1.

*Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thân Đăng K và bị cáo Đặng Hồng Q1:* Bị cáo Thân Đăng K và bị cáo Đặng Hồng Q1 khi được rủ thì đồng ý tham gia, Thân Đăng K điều khiển xe mô tô chở Đặng Minh D2 cầm 01 dao tự chế và Võ Thanh T1 cầm 01 dao tự chế; Đặng Hồng Q1 điều khiển xe mô tô chở theo Nguyễn Xuân H7 cầm 01 dao tự chế và Lê Thiện P1 cầm 01 dao tự chế; do có hành vi chửi các bị cáo khác đi đánh nhau và chửi về nên Thân Đăng Khoa và Đặng Hồng Q1 có vai trò người giúp sức trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét Thân Đăng K và Đặng Hồng Q1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn Đ1 và bị hại Đ1 xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xét 2 bị cáo dưới 16 tuổi nên áp dụng khoản 3 Điều 102 và Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt mỗi bị cáo 18 tháng tù là có phần nương nhẹ nên mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, cha mẹ bị cáo K và bị cáo Q1 có bồi thường thiệt hại theo phần cho bị hại thì cũng không thể chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của 2 bị cáo cũng như không chấp nhận cho 2 bị cáo được hưởng án treo vì hành vi đồng phạm về tội giết người của 2 bị cáo làm bị hại bị thương tích **76%** là đặc biệt nghiêm trọng, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng hoang mang trong nhân dân.

*Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần H4 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Phan Xuân Q2 và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Đ1 thấy:* Khoảng 19 giờ ngày 30/9/2022, Trần H4, Nguyễn Văn Đ1, Phan Xuân Q2 và Hồ Duy K2 đến nhậu tại quán C3 vô cớ gây sự, H4 dùng tay tát vào mặt anh L2 người quản lý quán 02 cái và cầm ly thủy tinh định đánh anh L2, nhưng được can ngăn, Đ1 xông tới đánh anh L1 và một thanh niên chưa rõ lai lịch, được can ngăn nên cả nhóm của H4 ra về nhà Đ1. Nghĩ lại chuyện đánh nhau tại quán, nhóm của Trần H4 muốn quay lại quán trả thù, riêng anh K2 về nhà anh K2; Trần H4, Q2 cầm theo dao, Đ1 cầm theo 01 khẩu súng bắn đạn bi bằng hơi ga nén đến đứng trước quán C3 thách thức những thanh niên trong quán ra đánh nhau, nhưng không ai ra. Q2 cầm dao đi vào quán thì được một số thanh niên can ngăn, đẩy ra đường, Đ1 cầm súng hướng lên trời bóp cò nhiều lần, có 02 lần phát ra tiếng nổ lớn làm cho khách đang ăn uống trong quán hoảng sợ, nhiều người đứng dậy bỏ chạy ra phía sau quán, đứng đe dọa, chửi bới một lúc rồi cả bọn đi về.

Xét, Trần Hậu sinh năm 1985 là anh cả cầm đầu nhóm, ngoài nhân thân xấu H4 còn có tiền sự là ngày 13/7/2020 bị Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 23 tháng kể từ ngày 24/5/2020 về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, đến ngày 30/9/2022 H4 lại phạm “*Tội gây rối trật tự công cộng*” trong vụ án này nên chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xét Trần Hậu phạm “*Tội gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 2 năm đến 7 năm, nhưng H4 thật thà khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt Trần H4 02 năm tù là không nặng nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần H4.

Xét, Phan Phan Xuân Q2, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và Q2 và có vai trò thứ yếu trong vụ án và Q2 là bị cáo trong vụ án Gây rối trật tự công cộng, nhưng còn là bị hại trong vụ án giết người do Lương Văn M và đồng bọn thực hiện với tỷ lệ thương tích 9%. Tuy nhiên, xét, Q2 chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thật thà khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt 18 tháng tù là không đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị bỏ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Q2.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Đ1 thấy, bị cáo Đ1 có nhân thân xấu, nhưng thật thà khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo Đ1 có công với cách mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vai trò của bị cáo Đ1 sau vai trò cầm đầu, rủ rờ của bị cáo Trần H4 nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ1 2 năm tù là tương xứng với hình phạt của bị cáo Trần H4; tuy nhiên, xét thấy, Đ1 là bị cáo trong vụ án Gây rối trật tự công cộng, nhưng là bị hại trong vụ án giết người do Lương Văn M và đồng bọn thực hiện và Đ1 bị chém tổng cộng với 28 vết thương ở nhiều vị trí trọng yếu trên cơ thể như vùng đỉnh chẩm phải, vùng cổ trái và bị cụt bàn tay trái với tổng tỷ lệ thương tích đến **76%** và hiện nay theo xác nhận của Bệnh xá và Giám thị trại Tạm giam Công an tỉnh Q ngày 21/3/2024 thì Đ1 thường xuyên phải nằm điều trị tại Bệnh xá trại tạm giam để điều trị thương tích; do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét cần giảm cho bị cáo Đ1 một phần hình phạt để Đ1 sớm trở về có cơ hội điều trị thương tích, tránh hậu quả ảnh hưởng nghiêm trọng, lâu dài đến sức khỏe, tương lai sau này.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Đối với việc cha mẹ các bị cáo trình bày và xuất trình các Giấy viết tay thể hiện sau khi xét xử sơ thẩm cha mẹ các bị cáo bồi thường tiền cho chị Trần Thị S (vợ bị hại Nguyễn Văn Đ1) nhận, nếu việc này là thật thì có quyền trình bày với Cơ

quan Thi hành án để được khấu trừ khi thi hành án. Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**I/ Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lương Văn M và bị cáo Dương Ngọc Q3, quyết định về hình phạt đối với 2 bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2023/HS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có hiệu lực thi hành, cụ thể như sau:**

- Áp dụng điểm o, n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lương Văn M 13 (mười ba) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07/10/2022.

- Áp dụng điểm o, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Dương Ngọc Q3 12 (mười hai) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/10/2022.

**II/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 109/2023/HS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:**

- Áp dụng điểm o, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Hồ Trọng D, 10 (mười) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/10/2022.

- Áp dụng điểm o, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Võ Thanh T1 5 (năm) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ 18/10/2022.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thiện T5 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/10/2022.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thiện P1 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/10/2022.

- Áp dụng điểm o, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Thân Đăng K 18 (mười tám) tháng tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm o, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 2 Điều 101; khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đặng Hồng Q1 18 (mười tám) tháng tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 18 (mười tám) tháng tù về “Tội gây rối trật tự công cộng”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/5/2023.

+ Xử phạt bị cáo Trần H4 02 (hai) năm tù về “Tội gây rối trật tự công cộng”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/5/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phan Xuân Q2 02 (hai) năm tù về “Tội gây rối trật tự công cộng”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/5/2023.

**III/** Các quyết định khác tại Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2023/HS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

**VI/** Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Hồ Trọng D, Thân Đăng K, Đặng Hồng Q1, Trần H4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đặng Kim Nhân**